**PHỤ LỤC 1**

DANH MỤC NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC

CỦA CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

| **TT** | **Ngành** | **Ngành, chuyên ngành tốt nghiệp đại học** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Ngành Bảo vệ thực vật** | |
| 1.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Nông học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Cử nhân nông nghiệp, khoa học cây trồng tiên tiến. |
| 1.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Dâu tằm ong, Làm vườn, Làm vườn và sinh vật cảnh, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông hóa thổ nhưỡng. |
| *Nhóm II:* Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm nghiệp, Lâm học, Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, Khuyến nông, Khuyến nông và phát triển nông thôn, Sinh kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp, Nông lâm kết hợp, Lâm nghiệp đô thị, Công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, Bảo quản chế biến nông sản, Sư phạm sinh, Khoa học môi trường, Hóa học. |
| **2** | **Ngành Chăn nuôi** | |
| 2.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Chăn nuôi thú y, Dinh dưỡng và CNTA chăn nuôi, Khoa học vật nuôi |
| 2.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm 1*: Thú y, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp. |
| *Nhóm 2:* Công nghệ sinh học, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Sinh học. |
| **3** | **Ngành Chăn nuôi – Thú y** | |
| 3.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Chăn nuôi, Thú y. |
|
| 3.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm 1*: Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh thủy sản, Công nghệ sinh học, Sinh học, Y – dược. |
| *Nhóm 2*: Nông học, Lâm nghiệp, Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Cử nhân nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp, Môi trường. |
| **4** | **Ngành Công nghệ sinh học** | |
| 4.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Công nghệ sinh học, Cử nhân sinh học. |
| 4.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I*: Chăn nuôi, Thú y, Nông học, Hoá sinh, Nuôi trồng thuỷ sản, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Di truyền và chọn giống cây trồng, Công nghệ rau hoa quả - Cảnh quan, Công nghệ thực phẩm, Bảo quản chế biến nông sản, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Lâm nghiệp, Lâm học. |
| *Nhóm II:* Khối ngành môi trường, Y - dược, Công nghệ thông tin (lĩnh vực tin sinh học), Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường. |
| **5** | **Ngành Công nghệ sau thu hoạch** | |
| 5.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Bảo quản chế biến nông sản, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ thực phẩm |
| 5.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm 1:* Công nghệ chế biến thủy hải sản*,* An toàn thực phẩm và quản lý chất lượng.  *Nhóm 2:* Công nghệ sinh học, Sinh học, Hóa sinh, Rau Hoa quả và cảnh quan. Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng. |
|  |
| **6** | **Ngành Công nghệ thực phẩm** | |
| 6.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Công nghệ thực phẩm, Bảo quản chế biến nông sản, Công nghệ sau thu hoạch, An toàn thực phẩm và quản lý chất lượng, Công nghệ chế biến thủy hải sản. |
| 6.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm 1:* Chăn nuôi, Thú y, Nuôi trồng thủy sản. |
| *Nhóm 2:* Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học, Hóa sinh, Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng, Rau hoa quả và cảnh quan. |
| **7** | **Ngành Công nghệ thông tin** | |
| 7.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Công nghệ thông tin; Tin học; Khoa học máy tính; Công nghệ phần mềm; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính; Tin học ứng dụng; Tin học quản lý; Tin học công nghiệp; Toán Tin ứng dụng; Quản lý thông tin; Sư phạm Tin học |
| 7.2 | Chuyên ngành gần | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật máy tính.  Các ngành ngoài liệt kê ở trên được xác định là ngành phù hợp, ngành gần hay không dựa trên việc xem xét bảng điểm đại học, có các môn học liên quan đến các kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin và cơ sở Toán trong Tin học |
| **8** | **Ngành Di truyền và chọn giống cây trồng** | |
| 8.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Di truyền học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Nông học. |
| 8.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Sinh học, Công nghệ sinh học, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Làm vườn, Cử nhân nông nghiệp. |
| *Nhóm II:* Lâm học, Khuyến nông và phát triển nông thôn, Sinh kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Nông lâm kết hợp, Sư phạm kỹ thuật. |
| **9** | **Ngành Kỹ thuật cơ khí** | |
| 9.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Kỹ thuật cơ khí; Cơ khí nông nghiệp; Cơ khí động lực; Cơ khí chế tạo máy; Cơ khí bảo quản và chế biến nông sản; Cơ khí thực phẩm; Cơ khí ô tô; Ô tô - máy kéo; Máy thực phẩm; Công nghệ cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Cơ khí lâm nghiệp; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ ô tô; Máy chế biến thủy sản, Công thôn; Công nghệ kỹ thuật cơ khí. |
| 9.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Công nghệ hàn; Cơ khí mỏ; Cơ khí thủy sản; Gia công áp lực; Máy tàu; Máy xây dựng; Cơ khí thủy lợi; Cơ khí chính xác; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.  *Nhóm II:* Công nghệ nhiệt lạnh; Cơ điện tử; Cơ tin kỹ thuật; Cử nhân sư phạm các ngành/Ngành kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ - điện tử; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật tàu thuỷ. |
| **10** | **Ngành Kỹ thuật điện** | |
| 10.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Kỹ thuật điện; Điện nông nghiệp; Hệ thống điện; Tự động hóa; Cung cấp và sử dụng điện; Kỹ thuật điện, điện tử; Tự động hóa công nghiệp. |
| 10.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Trang bị điện; Điều khiển tự động; Điện - điện tử; Điện công nghiệp.  *Nhóm II:* Kỹ thuật đo và tin học công nghiệp; Kỹ thuật điều khiển; Thiết bị điện - điện tử; Cử nhân sư phạm kỹ thuật điện; Công nghệ kỹ thuật điện; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Cử nhân các ngành/chuyên kỹ thuật điện, Công nghệ kỹ thuật điện tử; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá. |
| **11** | **Ngành Kế toán** | |
| 11.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Cử nhân tốt nghiệp các ngành hoặc Ngành thuộc nhóm ngành kế toán, kiểm toán: Kế toán, Kế toán - kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán; Kế toán tổng hợp, Kế toán công, Kế toán ngân hàng, Tài chính - ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính - tín dụng. |
| 11.2 | Chuyên ngành gần | Nhóm I: Các cử nhân tốt nghiệp các ngành nhóm tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, kinh doanh- quản lý và kinh tế. |
| Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: Tài chính, Tài chính - Ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính - Tín dụng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Tài chính quốc tế, Tài chính nhà nước, Thị trường chứng khoán, Bảo hiểm... |
| Nhóm ngành kinh tế: Kinh tế học, Kinh tế xây dựng, Kinh tế thương nghiệp, Thống kê, Kinh tế bất động sản và địa chính, Kinh tế kế hoạch và đầu tư, Kinh tế lao động và quản lý nguồn lực, Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đầu tư tài chính, Kinh tế luật, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm, Kinh tế chính trị, Phát triển nông thôn, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Luật kinh tế, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế thẩm định giá, Kinh tế gia đình,... |
| Nhóm ngành kinh doanh - quản lý: Quản trị kinh doanh, Marketing, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Kinh doanh dịch vụ, Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh thương mại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị chất lượng, Quản trị marketing, Quản trị bán hàng, Truyền thông marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh doanh bất động sản, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý kinh tế, Quản lý kinh doanh, Quản lý thị trường, Quản lý lao động, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý bệnh viện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch, Thương mại, Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Quản lý công nghiệp, Khoa học quản lý, Quản lý đô thị, Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý văn hóa, Quản lý nhà nước, Quản lý giáo dục, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý môi trường và du lịch sinh thái, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự. |
| Nhóm II: Cử nhân tốt nghiệp các Ngành thuộc nhóm ngành: Hành chính học, Luật, Luật quốc tế, Khuyến nông, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ chế biến nông sản, Bảo quản chế biến nông sản, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau quả và cảnh quan, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Thú y, Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội, Bất động sản.... và các ngành khác. |
| **12** | **Ngành Khoa học cây trồng** | |
| 12.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Nông học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Làm vườn, Làm vườn và sinh vật cảnh, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Hoa viên cây cảnh, Bảo vệ thực vật |
| 12.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp, Sinh kỹ thuật nông nghiệp, Nông hóa thổ nhưỡng, Cử nhân nông nghiệp.  *Nhóm II:* Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm nghiệp, Lâm học, Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, Khuyến nông, Khuyến nông và phát triển nông thôn, Môi trường, Sinh kỹ thuật nông nghiệp, Nông lâm kết hợp, Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp - kỹ thuật nông nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Sư phạm sinh, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kinh tế nông nghiệp, Khoa học đất. |
| **13** | **Ngành Khoa học đất** | |
| 13.1 | Các chuyên ngành đúng và phù hợp | Khoa học đất, Thổ nhưỡng - Nông hóa, Thổ nhưỡng, Hoá nông nghiệp. |
| 13.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I*: Kỹ thuật tài nguyên nước (Thủy nông cải tạo đất)  *Nhóm II*: Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất, Nông nghiệp, Trồng trọt, Khoa học cây trồng, Môi trường, Khoa học Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp; Tưới tiêu cho cây trồng; Địa lý; Địa chính; Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý bất động sản. |
| **14** | **Ngành Khoa học môi trường** | |
| 14.1 | Các chuyên ngành đúng và phù hợp | Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Quản lý môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học và quản lý môi trường |
| 14.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm 1:* Khoa học đất; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên nước; Kỹ thuật tài nguyên nước; Hóa môi trường; Công nghệ hóa học; Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm; Khí tượng; Thủy văn; Địa lý; Địa chất; Bảo vệ thực vật; Nông hóa; Nuôi trồng thủy sản; Chăn nuôi; Lâm nghiệp; Thủy lợi;  *Nhóm 2:* Khoa học cây trồng; Sư phạm kỹ thuật; Thú y; Sư phạm hóa học; Sư phạm sinh; Quản lý đất đai; Địa chính; Luật; Luật quốc tế; Kinh tế nông nghiệp; Quản lý kinh tế; Cơ khí; Cơ điện; Công nghệ thông tin; Tiếng Anh***;*** Kế toán doanh nghiệp sản xuất và Địa chất công trình-ĐKT***.*** |
| **15** | **Ngành Kinh tế nông nghiệp** | |
| 15.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | - Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế lâm nghiệp, Kinh tế thủy sản. |
| - Các ngành Kinh tế khác. |
| 15.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I*: Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế, Quản lý kinh tế; Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Bảo hiểm, Tài chính-tín dụng; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ; Thống kê. |
| *Nhóm II:*Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Hành chính học; Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường; Luật kinh tế, Hệ thống thông tin kinh tế; Quản lý công nghiệp, Quản lý nhà nước, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý thị trường; Phát triển nông thôn, Khuyến nông, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, nông lâm kết hợp; Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Bảo quản chế biến nông sản; Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Thú y. |
| **16** | **Ngành Nuôi trồng thủy sản** | |
| 16.1 | Chuyên ngành đúng, phù hợp | Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản. |
| 16.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Sinh học, Chăn nuôi, Chăn nuôi Thú y, Thú y, Sư phạm kỹ thuật Nông nghiệp, Môi trường, Khai thác thủy sản. |
| *Nhóm II:* Khuyến nông và Phát triển nông thôn, Công nghệ sinh học, Bảo quản chế biến nông sản, Công nghệ Thực phẩm. |
| **17** | **Ngành Phát triển nông thôn** | |
| 17.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế lâm nghiệp, Kinh tế thủy sản, Kinh tế thủy lợi; Kinh tế môi trường, Kinh tế tài nguyên. |
| Kinh doanh nông nghiệp, Marketing nông nghiệp, Bảo hiểm nông nghiệp, Tài chính - Tín dụng nông nghiệp, Kế toán nông nghiệp. |
| Phát triển nông thôn, Khuyến nông, Phát triển nông thôn & khuyến nông, Xã hội học nông thôn, Tín dụng nông thôn, Kinh tế nông thôn, Bảo hiểm nông thôn, Công nghiệp nông thôn, Công nghiệp nông thôn miền núi, Giao thông nông thôn. |
| Khối ngành kinh tế như Kinh tế, Quản lý kinh tế, Tài chính, Tín dụng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bảo hiểm, Thống kê, Thương mại, Tài chính - Kế toán, Tài chính - Tín dụng,… |
| Các ngành kỹ thuật nông - lâm - thủy sản - thủy lợi như Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, làm vườn; Công nghệ Rau - Hoa - Quả và cảnh quan, Giống, Di truyền, Công nghệ sinh học, Bảo quản chế biến nông sản, Công nghệ sau thu hoạch, Thú y, Chăn nuôi, Chăn nuôi - Thú y, Nuôi trồng thủy sản, Dâu Tằm, Nông hóa thổ nhưỡng, Khoa học đất, Khoa học cây trồng, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Nông học, Nông lâm kết hợp, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Lâm nghiệp cộng đồng… |
| Các ngành thuộc lĩnh vực xã hội liên quan đến nông thôn như Lâm nghiệp xã hội, Luật, Luật kinh tế, Văn hóa quần chúng, Kinh tế chính trị, Khoa học quản lý, Quản lý xã hội, Luật học, Tư pháp và hành chính nhà nước, Báo chí, Khoa học xã hội và nhân văn,… |
| Các ngành kỹ thuật liên quan đên nông thôn như Công trình thủy lợi, Thủy nông, Thủy nông công trình điện, Xây dựng công trình, Giao thông vận tải. |
| 17.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Ngân hàng, Hệ thống thông tin kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Tin học quản lý; các ngành thuộc lĩnh vực thông tin liên quan đến nông thôn như Tin học kinh tế, Tin học quản trị, Thông tin - Thư viện,… |
| *Nhóm II:* Còn lại các ngành khác. |
| **18** | **Ngành Quản lý du lịch bền vững** | |
| 18.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Cử nhân tốt nghiệp các ngành hoặc chuyên ngành thuộc nhóm ngành quản lý/quản trị du lịch: Quản lý du lịch và nhà hàng, Quản lý du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Quản trị khách sạn, Quản trị du lịch, Quản trị nhà hàng, Quản trị du thuyền,... |
| 18.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Các cử nhân tốt nghiệp các ngành/chuyên ngành nhóm ngành kinh tế, kinh doanh- quản lý, tài chính - ngân hàng. |
| *Nhóm II:* Cử nhân tốt nghiệp các chuyên ngành thuộc nhóm ngành kỹ thuật, xã hội và lĩnh vực khác như Hành chính học, Luật, Luật quốc tế, Khuyến nông, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ chế biến nông sản, Bảo quản chế biến nông sản, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau quả và cảnh quan, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Thú y, Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội, Bất động sản, Xã hội học, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Địa lý học, Quan hệ công chúng, Báo chí, Công tác tổ chức, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Thống kê, Toán ứng dụng, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Công thôn, Điện, Công nghệ kỹ thuật điện, Điện khí hóa mỏ, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch đô thị, Xây dựng, Xây dựng cầu đường, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, Công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Điện - điện tử, Điện tử - viễn thông, Thiết kế máy, Hậu cần Công an nhân dân, Hậu cần Quân sự, Ngoại ngữ. |
| - Nhóm ngành kinh doanh - quản lý: Quản trị kinh doanh, Marketing, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Kinh doanh dịch vụ, Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh thương mại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị chất lượng, Quản trị marketing, Quản trị bán hàng, Truyền thông marketing, Kinh doanh bất động sản, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý kinh tế, Quản lý kinh doanh, Quản lý thị trường, Quản lý lao động, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý bệnh viện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Thương mại, Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Quản lý công nghiệp, Khoa học quản lý, Quản lý đô thị, Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý văn hóa, Quản lý nhà nước, Quản lý giáo dục, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý môi trường và du lịch sinh thái, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự,... |
| **19** | **Ngành Quản lý kinh tế** | |
| 19.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Các chuyên ngành thuộc khối ngành kinh tế: Kinh tế, Quản lý kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế; Kinh tế đầu tư, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất - dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế và quản lý xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viến thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm; Kinh tế chính trị, Kinh tế thương mại, Kinh tế lao động, Kinh tế & quản lý công, Kinh tế tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên môi trường. |
| Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Thương mại quốc tế; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Quản trị kinh doanh xây dựng, Quản lý công nghiệp, Quản lý công thương, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội, Thống kê kinh tế. |
| 19.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Bảo hiểm, Kiểm toán, Tài chính-tín dụng; Khoa học quản lý; Phát triển nông thôn; Phát triển nông thôn và khuyến nông; Quản lý nhà nước, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý thị trường; Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng; Luật Kinh tế; Hệ thống thông tin kinh tế.  *Nhóm II:* Hệ thống thông tin quản lý, Hành chính học; Luật, Luật quốc tế, Tư pháp; Quản lý xây dựng, Quản lý đô thị; Quản lý giáo dục; Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý nguồn lợi thủy sản; Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ chế biến nông sản; Bảo quản chế biến nông sản; Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, nuôi trồng thủy sản, Thú y; Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội; Kinh tế gia đình.  *Nhóm III:* Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Quốc tế học, Xã hội học, Địa lý học, Triết học, Văn hóa, Quan hệ công chúng, báo chí; Xây dựng Đảng và CQNN, quân sự, Công tác tổ chức; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Bất động sản; Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng; Khoa học môi trường, Khoa học đất; Thống kê, toán ứng dụng; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin; Công thôn, Điện, CNKT điện, Hệ thống điện; Điện khí hoá mỏ; Khai thác mỏ, Qui hoạch vùng và đô thị, Qui hoạch đô thị; Xây dựng; Xây dựng cầu đường, Thiết kế thân tàu thủy, Thiết kế và sửa chữa máy tàu thủy, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện-điện tử; Điện tử-viễn thông, Tự động hóa, Thiết kế máy; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý văn hóa, Kinh doanh xuất bản phẩm, Phát hành sách; Ngoại ngữ, Sư phạm, Ngữ văn, Hóa học, Thể dục thể thao, Điều dưỡng, Công tác thanh thiếu niên, Kỹ thuật công trình xây dựng, Tin học ứng dụng, Tin học quản lý, Thủy văn môi trường, Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Giáo dục chính trị, Máy chính xác, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý xây dựng công trình giao thông. |
| **20** | **Ngành Quản lý đất đai** | |
| 20.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất, Địa chính, Công nghệ địa chính |
| 20.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm 1*: Khoa học đất, Kinh tế địa chính, Quản lý bất động sản, Quản lý Đô thị, Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý tài nguyên môi trường rừng, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Thổ nhưỡng, Thổ nhưỡng – nông hóa, Trắc địa-địa chính. |
| *Nhóm 2*: Bản đồ, Bất động sản, Công nghệ thông tin, Địa chất, Địa lý, Đo đạc và bản đồ, Kế toán doanh nghiệp (trường ĐH Mỏ Địa chất), Khai thác mỏ, Khoa học cây trồng, Khoa học môi trường, Kiến trúc, Kinh tế, Kinh tế bất động sản, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kinh tế phát triển, Kinh tế Tài nguyên Môi trường, Kinh tế xây dựng, Kinh tế - quản lý Tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm nghiệp xã hội, Luật, Luật kinh tế, Môi trường, Nông học, Quản lý kinh tế, Quản lý môi trường, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Quy hoạch lâm nghiệp, Thủy nông cải tạo đất, Trắc địa, Trắc địa công trình, Trắc địa mỏ, Xây dựng. |
| *Nhóm 3*: Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Công trình, Công trình thủy lợi, Địa sinh thái và công nghệ môi trường, Hành chính học và Kỹ thuật công trình xây dựng, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Kế toán, Kế toán tổng hợp, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, Kinh tế quốc tế, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm môi trường, Kỹ thuật môi trường, Luật quốc tế, Nông lâm kết hợp, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý nhà nước, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý xây dựng, Tài chính kế toán, Tài chính ngân hàng, Thống kê kinh tế - xã hội, Thú y, Toán tin ứng dụng, Văn sử, Xã hội học, Xây dựng cầu đường... và các ngành khác. |
| **21** | **Ngành Quản trị kinh doanh** | |
| 21.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Quản trị kinh doanh, Marketing, Ngoại thương, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Kinh doanh dịch vụ, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh thương mại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị chất lượng, Quản trị marketing, Quản trị bán hàng, Truyền thông marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh doanh bất động sản, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý kinh tế, Quản lý kinh doanh, Quản lý thị trường, Quản lý lao động, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý bệnh viện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch, Bảo hiểm, Kinh doanh bảo hiểm, Thương mại, Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ. |
| 21.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I*: Tài chính - Ngân hàng, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - tín dụng, Quản lý nhà nước, Kinh tế bất động sản và địa chính, Khoa học quản lý, Quản lý môi trường và du lịch sinh thái, Kinh tế kế hoạch và đầu tư, Kinh tế lao động và quản lý nguồn lực, Kinh tế thẩm định giá, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Tài chính quốc tế, Tài chính nhà nước, Thị trường chứng khoán, Kế toán tổng hợp, Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm, Kinh tế chính trị, Phát triển nông thôn, Quản lý nhà nước, Quản lý khoa học công nghệ, Luật kinh tế, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên. |
| *Nhóm II:* Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý, Tin học quản lý, Hành chính học, Luật, Luật quốc tế, Quản lý đô thị, Quản lý giáo dục, Khuyến nông, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ chế biến nông sản, Bảo quản chế biến nông sản, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau quả và cảnh quan, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Thú y, Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội, Kinh tế gia đình, Bất động sản. |
| *Nhóm III:* Xã hội học, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Địa lý học, Quan hệ công chúng, Báo chí, Công tác tổ chức, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Thống kê, Toán ứng dụng, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Công thôn, Điện, Công nghệ kỹ thuật điện, Điện khí hóa mỏ, Thủy nông, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch đô thị, Xây dựng, Xây dựng cầu đường, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, Công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Điện - điện tử, Điện tử - viễn thông, Thiết kế máy, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Quản lý văn hóa, Kinh doanh xuất bản phẩm, Ngoại ngữ, Tiếng Anh… và các ngành khác. |
| **22** | **Ngành Thú y** | |
| 22.1 | Chuyên ngành đúng và phù hợp | Thú y, Dược thú y |
| 22.2 | Chuyên ngành gần | *Nhóm I:* Chăn nuôi - Thú y; Chăn nuôi; Cử nhân Ngư y, Y.  *Nhóm II:* Cử nhân Công nghệ sinh học; Nuôi trồng thuỷ sản, Quản lý nguồn lợi thuỷ  sản, Dược, Y tế công cộng, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Hóa sinh, Tài nguyên rừng (động vật rừng). |